

120 CÂU HỎI THI TUYỂN BÁC SỸ NỘI TRÚ – CAO HỌC

Môn Y Sinh học – Di truyền

1. Trình bày cấu trúc, thành phần hóa học, chức năng lipid màng tế bào.
2. Trình bày cấu trúc, chức năng protein màng tế bào
3. Trình bày cấu trúc, chức năng cacbohydrat màng tế bào.
4. Trình bày chức năng của màng tế bào.
5. Trình bày cấu trúc, thành phần hóa học, các dạng tồn tại của ribosom.
6. Trình bày cấu trúc, thành phần hóa học, chức năng của lưới nội sinh chất có hạt.
7. Trình bày cấu trúc, thành phần hóa học, chức năng của lưới nội sinh chất nhẵn.
8. Trình bày cấu trúc, sự phân cực và thành phần hóa học của bộ Golgi.
9. Trình bày sự hình thành và chức năng bộ Golgi.
10. Trình bày cấu trúc, thành phần hóa học của tiêu thể.
11. Trình bày sự hình thành tiêu thể và quá trình hoạt động của tiêu thể.
12. Trình bày cấu trúc và thành phần hóa học của ty thể.
13. Trình bày chức năng của ty thể (quá trình hô hấp tế bào).
14. Trình bày ADN ty thể (ADN ty thể, cơ chế di truyền ADN ty thể và tính chất nửa tự trị của ty thể).
15. Trình bày cấu trúc, sự hình thành và chức năng của trung thể.
16. Trình bày sự hình thành màng tế bào.
17. Trình bày cấu tạo, chức năng ống vi thể.
18. Trình bày cấu trúc và chức năng của màng nhân.
19. Trình bày cấu trúc lỗ màng nhân.
20. Trình bày cấu trúc và chức năng của hạch nhân.
21. Trình bày cấu trúc vi thể của nhiễm sắc thể.
22. Trình bày cấu trúc siêu vi thể của nhiễm sắc thể.
23. Kể tên các thành phần hóa học của sợi chromatin. Trình bày chi tiết các protein histon và nucleosom.

24. Kể tên các thành phần hóa học của sợi chromatin. Trình bày chi tiết protein chiếm số lượng lớn HMG (High Mobility Group).
25. Trình bày sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào theo cơ chế thụ động (khuyếch tán đơn thuần).
26. Trình bày sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào theo cơ chế thụ động có trung gian, nêu 1 ví dụ.
27. Trình bày sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào theo cơ chế chủ động, nêu 1 ví dụ.
28. Trình bày quá trình nội thực bào L.D.L (Low Density Lipoprotein).
29. Trình bày chu kỳ tế bào.
30. Trình bày đặc điểm các giai đoạn của quá trình phân bào giảm nhiễm.
31. Trình bày các giai đoạn của kỳ đầu I phân bào giảm nhiễm.
32. Trình bày sự hình thành tinh trùng và trứng ở người.
33. Trình bày các thí nghiệm của Griffith về hiện tượng chuyển thể ở vi khuẩn.
34. Trình bày thí nghiệm của Avery chứng minh bản chất của chất gây chuyển thể.
35. Trình bày thí nghiệm truyền vật chất di truyền với các virus gây bệnh khảm thuốc lá.
36. Trình bày các thí nghiệm về hiện tượng chuột chuyển gen.
37. Trình bày sự sinh sản của virus ký sinh trong vi khuẩn (phagior)
38. Trình bày cấu trúc bậc một của ADN (Acid deoxyribonucleic).
39. Trình bày cấu trúc bậc hai của ADN (Acid deoxyribonucleic)
40. Trình bày những dạng khác nhau của ADN (Acid deoxyribonucleic): dạng A, dạng B.
41. Trình bày những dạng khác nhau của ADN (Acid deoxyribonucleic): dạng Z, dạng H.
42. Trình bày đặc điểm của ADN.
43. Trình bày đặc điểm của bộ gen.
44. Trình bày cấu tạo chung của ARN (Acid ribonucleic).
45. Trình bày khái niệm ARN di truyền, ARN không di truyền. Trình bày cấu tạo và chức năng của ARN ribosom (rARN).

46. Trình bày cấu tạo và chức năng của ARN vận tải (tARN).
47. Trình bày cấu tạo và chức năng của ARN thông tin (mARN) và ARN nhỏ trong nhân (snARN).
48. Kể tên các giai đoạn của quá trình tái bản của ADN ở Prokaryota.
Trình bày giai đoạn khởi đầu.
49. Trình bày giai đoạn kéo dài và giai đoạn kết thúc của quá trình tái bản của ADN ở Prokaryota.
50. Trình bày sự khác nhau trong tái bản ADN ở tế bào Prokaryota và ở tế bào Eukaryota.
51. Trình bày đặc điểm và giai đoạn khởi đầu của quá trình phiên mã ở tế bào Prokaryota.
52. Trình bày đặc điểm của quá trình phiên mã ở tế bào Prokaryota. Trình bày giai đoạn kéo dài và giai đoạn kết thúc.
53. Trình bày đặc điểm của quá trình phiên mã ở Eukaryota.
54. Trình bày vùng khởi đầu và quá trình khởi đầu phiên mã ở Eukaryota.
55. Trình bày quá trình từ mARN tiền thân tạo thành mARN thuần thực.
56. Trình bày đặc điểm của mã di truyền.
57. Trình bày giai đoạn hoạt hóa acid amin và giai đoạn mở đầu chuỗi polypeptid trong quá trình sinh tổng hợp protein ở tế bào Prokaryota.
58. Trình bày giai đoạn kéo dài chuỗi polypeptid trong quá trình sinh tổng hợp protein ở tế bào Prokaryota.
59. Kể tên các giai đoạn trong quá trình sinh tổng hợp protein ở tế bào Prokaryota; Trình bày giai đoạn kết thúc tổng hợp chuỗi polypeptid.
60. Trình bày mô hình operon điều chỉnh sinh tổng hợp protein ở tế bào Prokaryota.
61. Trình bày hoạt động của operon trong cơ chế kích thích sinh tổng hợp protein ở tế bào Prokaryota.
62. Trình bày hoạt động của operon trong cơ chế kìm hãm sinh tổng hợp protein ở tế bào Prokaryota.
63. Trình bày mô hình gen cấu trúc và cấu trúc vùng 3' của một gen ở tế bào Eukaryota.

64. Trình bày mô hình cấu trúc vùng khởi đầu của một gen ở tế bào Eukaryota.
65. Trình bày các bước điều chỉnh biểu hiện gen ở tế bào Eukaryota.
66. Trình bày di truyền đơn gen hai alen.
67. Trình bày di truyền đơn gen nhiều alen.
68. Định nghĩa nhiễm sắc thể giới theo Wilson và phân nhóm của hệ thống nhiễm sắc thể giới.
69. Kể tên các cơ chế xác định giới tính. Trình bày nhiễm sắc thể giới.
70. Kể tên các cơ chế xác định giới tính? Trình bày sự di truyền giới tính do hiệu quả của một gen qui định.
71. Trình bày nguyên lý chung về sự di truyền liên kết giới.
72. Trình bày các cơ chế xác định do nhiễm sắc thể giới tính.
73. Kể tên các loại di truyền liên kết giới? Trình bày đặc điểm của sự di truyền liên kết nhiễm sắc thể X mà không có alen tương ứng trên Y qui định (hoặc do gen liên kết trên nhiễm sắc thể Z mà không có alen trên W qui định).
74. Trình bày sự di truyền liên kết giới.
75. Kể tên các loại di truyền liên kết giới? Trình bày đặc điểm của sự di truyền liên kết nhiễm sắc thể Y mà không có alen tương ứng trên X qui định
76. Kể tên các loại di truyền liên kết giới? Trình bày đặc điểm của sự di truyền các tính trạng do các gen nằm trên đoạn tương đồng của nhiễm sắc thể X và Y qui định.
77. Trình bày định nghĩa, cơ chế gây đa bội
78. Trình bày định nghĩa và phân loại lệch bội.
79. Trình bày cơ chế phát sinh lệch bội.
80. Trình bày cơ chế chung của đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể? Trình bày các dạng đột biến cấu trúc kiểu chromatid.
81. Trình bày đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể kiểu, đảo đoạn.
82. Trình bày đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể kiểu mất đoạn.
83. Kể tên các dạng đột biến cấu trúc kiểu nhiễm sắc thể. Trình bày đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể dạng nhiễm sắc thể hai tâm.

84. Trình bày đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể kiểu chuyển đoạn tương hỗ , chuyển đoạn hòa hợp tâm.
85. Trình bày đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể kiểu nhân đoạn, nhiễm sắc thể đều.
86. Trình bày hiện tượng trao đổi chromatid chị em.
87. Trình bày các dạng biến đổi nucleotid trong đột biến gen.
88. Trình bày các biểu hiện của gen đột biến.
89. Trình bày cấu tạo của trứng và phân loại trứng.
90. Trình bày cấu tạo của tinh trùng người.
91. Trình bày giai đoạn tạo hợp tử - Sự thụ tinh.
92. Trình bày đặc điểm, quá trình phân cắt và hình thành phôi dâu ở trứng đẳng hoàng.
93. Trình bày đặc điểm, quá trình phân cắt và hình thành lá phôi ngoài và lá phôi trong ở trứng vô hoàng.
94. Trình bày đặc điểm phân cắt của trứng đoạn hoàng và trứng vô hoàng.
95. Trình bày định nghĩa và đặc điểm giai đoạn sinh trưởng.
96. Trình bày định nghĩa và đặc điểm giai đoạn trưởng thành.
97. Trình bày định nghĩa và đặc điểm giai đoạn già lão.
98. Kể tên các giai đoạn phát triển cá thể. Trình bày đặc điểm giai đoạn tử vong.
99. Trình bày vai trò của bộ gen đơn bội ở trứng và bộ gen lưỡng bội của hợp tử.
100. Trình bày tính chất của tổ chức tổ trong quá trình điều khiển phát triển phôi.
101. Trình bày cơ chế điều khiển sự phát triển cá thể do tác động của gen biệt hóa trong giai đoạn phân cắt.
102. Trình bày vai trò của các nhân tố từ nguồn mẹ trong quá trình phát triển phôi.
103. Trình bày hoạt động của operon trong sự phát triển cá thể.
104. Trình bày nhân tố nước và sự ô nhiễm nguồn nước.
105. Trình bày nhân tố không khí và sự ô nhiễm không khí.

106. Trình bày các nhân tố phóng xạ có ảnh hưởng đến môi trường sống của con người.
107. Trình bày khái niệm về các loại đột biến cảm ứng.
108. Trình bày tác nhân vật lý gây đột biến cảm ứng ở người.
109. Trình bày tác nhân hoá học gây đột biến cảm ứng ở người.
110. Trình bày tác nhân sinh vật học gây đột biến cảm ứng ở người.
111. Trình bày các chức năng sinh hóa học của ARN trong tiến hóa tiền tế bào.
112. Trình bày nguồn gốc các mã di truyền.
113. Trình bày hiện tượng ARN xúc tác.
114. Trình bày sự hiệu chỉnh ARN sau phiên mã.
115. Trình bày sự khác biệt về mặt hoá học giữa ADN và ARN quyết định những tính chất và chức năng riêng của chúng.
116. Trình bày các đơn vị phân loại hệ thống sinh giới.
117. Trình bày cách viết tên khoa học của 1 loài sinh vật. Cho 1 ví dụ.
118. Trình bày tính thống nhất của hệ thống sinh giới.
119. Trình bày đặc điểm của nhân tế bào Prokaryota.
120. Trình bày đặc điểm của nhân tế bào Eukaryota.